

TIÊU THỤ RAU AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Distribution of Safe Vegetable in Hanoi City

Đào Duy Tâm

Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội

Địa chỉ email tác giả liên hệ: *ddtamsnn@gmail.com*

TÓM TẮT

Sản xuất rau an toàn (RAT) của thành phố Hà Nội được thử nghiệm từ năm 1996, triển khai trên diện rộng từ năm 2001. Tuy diện tích, sản lượng RAT tăng qua các năm nhưng tiêu thụ RAT đang gặp nhiều bất cập về quản lý, giá bán và đặc biệt niềm tin của người tiêu dùng. Từ các dữ liệu thu thập được ở các ban, ngành, viện nghiên cứu, trường đại học và đặc biệt điều tra 10 HTX, 7 doanh nghiệp; 20 cửa hàng; 10 siêu thị và 70 người tiêu dùng trên địa bàn Hà Nội, nghiên cứu này đã đưa ra các kết quả đánh giá về hệ thống tổ chức quản lý sản xuất và tiêu thụ RAT; hệ thống phân phối RAT; các hoạt động xúc tiến thương mại RAT; Khối lượng tiêu thụ, giá bán, doanh thu, lãi gộp và thăm dò niềm tin của người kinh doanh và tiêu dùng RAT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ khoá: Hệ thống tổ chức quản lý, hệ thống phân phối, hiệu quả tiêu thụ, rau an toàn, tiêu thụ, xúc tiến thương mại.

SUMMARY

Safe vegetable production (RAT) has been experimented since 1996 and has been widely implemented since 2001 in Hanoi. Although, the area and yield of safe vegetable has been increasing over years, safe vegetable production is facing difficulties in terms of production management; price and especially the trust of consumers. By collecting secondary data from different management sectors, research institutes; universities and the survey with 10 co-operatives; 3 enterprises; 20 shops; 10 super-markets and 70 vegetable consumers in Hanoi, this study presents the deep evaluations on safe vegetable production management and consumption; safe vegetable distribution system; marketing and promotional activities; consumption amount; prices; total revenues; mixed income and the trust of safe vegetable traders and consumers in Hanoi city.

Key words: Commercial production, consumption, distribution system, distribution efficiency of safety vegetable, management system, safe vegetable.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc sử dụng hóa chất độc hại, kim loại nặng, tồn dư thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và ô nhiễm vi sinh vật trong sản xuất rau đã gây ảnh hưởng không nhỏ trước mắt cũng như lâu dài đối với sức khỏe cộng đồng. Tình trạng ngộ độc thực phẩm nói chung và ngộ độc do ăn phải rau không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã trở thành nỗi lo chung của xã hội và người tiêu dùng. Ở Hà Nội, những năm qua cũng đối mặt với thực trạng

nêu trên, có đến 90% trong số 200 người tiêu dùng được phỏng vấn cho rằng rau là thực phẩm có nhiều mối lo ngại nhất (Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội, 2009). Nhằm đáp ứng nhu cầu an toàn thực phẩm trong tiêu dùng rau xanh của người dân, Hà Nội đã xây dựng và thử nghiệm chương trình sản xuất rau an toàn (RAT) từ năm 1996 và triển khai có kết quả từ năm 2001. Tuy nhiên, việc tổ chức và quản lý RAT từ khâu sản xuất, cho đến khâu tiêu thụ còn nảy sinh nhiều bất cập. Người tiêu dùng không phân biệt sự khác nhau

giữa rau an toàn với rau thường. Người trồng rau sản xuất với chi phí cao nhưng giá bán không cao nên không mặn mà sản xuất, thậm chí do chạy theo lợi nhuận mà vi phạm quy trình thiếu nhãn mác và thậm chí trộn lẫn rau thường để bán v.v... Các nghiên cứu trước đây về RAT của Trần Khắc Thi (1999), Nguyễn Thị Tân Lộc (2002; 2008), Hoàng Bằng An (2008)..., mới đề cập đến sản xuất và tiêu thụ RAT ở một số điểm của thành phố Hà Nội, chưa nghiên cứu một cách hệ thống thực trạng tiêu thụ RAT trên địa bàn toàn thành phố. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phản ánh hệ thống tổ chức tiêu thụ, các hoạt động tiêu thụ, kết quả và hiệu quả tiêu thụ rau an toàn.

2. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội cũ với 3 huyện đại diện là Đông Anh, Gia Lâm và Thanh Trì. Các nội dung chuyên sâu được thực hiện ở các tổ chức, cá nhân có tham gia tiêu thụ RAT ở 3 huyện đại diện những năm qua.

Các dữ liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu này được thu thập từ năm 1997 gồm các báo cáo tổng kết và số liệu, tài liệu có liên quan của Ủy ban Nhân dân (UBND), Sở Nông nghiệp và PTNT, Cục Thống kê, Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV), Sở Thương Mại thành phố Hà Nội và một số đề tài, dự án có liên quan.

Các dữ liệu sơ cấp được thu thập từ khảo sát thực tế, phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng câu hỏi được in sẵn cho từng đối tượng điều tra (Ban quản lý các chợ; 10 siêu thị, 20 cửa hàng bán RAT; 70 người tiêu dùng RAT; 7 doanh nghiệp; 10 hợp tác xã và xã viên sản xuất RAT thuộc 3 huyện đại diện).

Các dữ liệu thu thập sau khi làm sạch và hiệu chỉnh, được sắp xếp cho từng nội dung nghiên cứu với sự trợ giúp của phần mềm Excel. Phương pháp phân tích thông tin chủ yếu là thống kê mô tả và so sánh theo thời gian và không gian.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

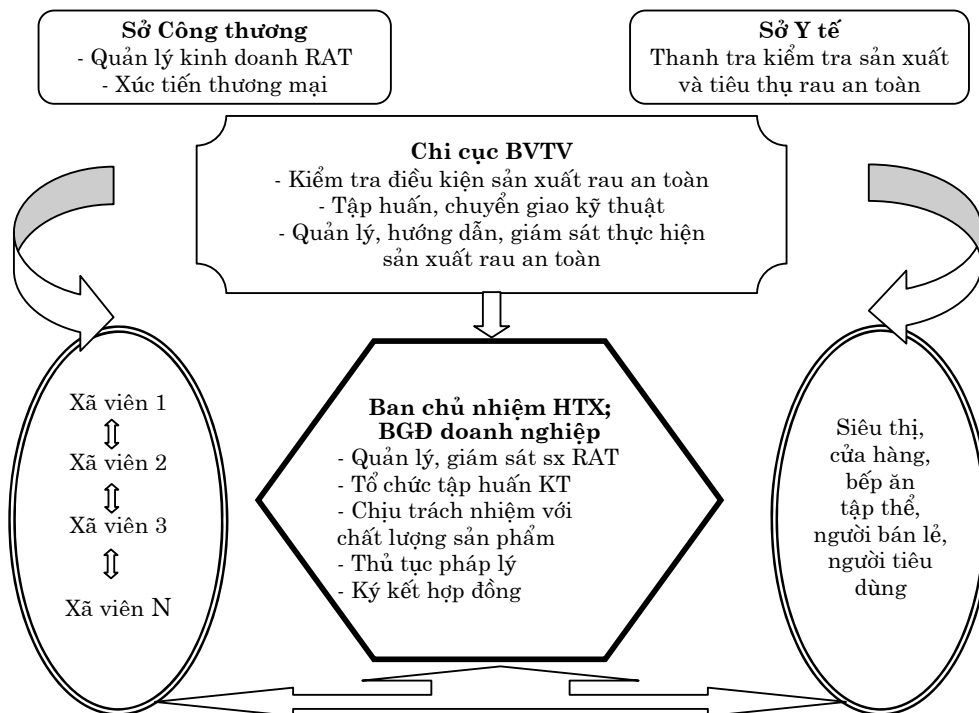
3.1. Tổ chức, quản lý sản xuất, tiêu thụ rau an toàn của thành phố Hà Nội

Hệ thống tổ chức, quản lý sản xuất và tiêu thụ RAT của thành phố Hà Nội được mô tả qua hình 1.

Khác với rau thường, sản xuất và tiêu thụ RAT chủ yếu do tổ, nhóm hợp tác xã (HTX) và các doanh nghiệp. Tính đến thời điểm tháng 6 năm 2010, trên địa bàn Hà Nội có 42 HTX và 5 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận (GCN) đủ điều kiện sản xuất RAT; 14 cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế RAT. Các doanh nghiệp như Công ty Năm Sao, Hùng Sáng, Ngọc Quang, Hà An... phần lớn tham gia ở khâu tiêu thụ như mở các quầy hàng, cửa hàng bán RAT. Ban chủ nhiệm các HTX, Ban giám đốc doanh nghiệp có nhiệm vụ tổ chức tập huấn, ký kết hợp đồng, giám sát qui trình và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, người sản xuất trực tiếp RAT là các xã viên HTX hoặc hộ gia đình công nhân trong các doanh nghiệp. Quản lý theo ngành dọc của thành phố, Chi cục BVTV là đơn vị quản lý trực tiếp các cơ sở sản xuất và tiêu thụ RAT. Cơ quan này có nhiệm vụ kiểm tra điều kiện sản xuất, hướng dẫn, chuyển giao, quản lý và cấp giấy chứng nhận. Cùng tham gia phối hợp với Chi cục BVTV còn có Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương và Sở Y tế. Với hệ thống quản lý này, nghiên cứu cho là phù hợp. Tuy nhiên, thực tế của Hà Nội những năm qua vẫn còn các cơ quan khác tham gia tổ chức quản lý sản xuất và tiêu thụ RAT như Sở Khoa học & Công nghệ; Trung tâm Khuyến nông thành phố hoặc các dự án nước ngoài, các đề tài nghiên cứu của các viện, trường đại học. Điều này đã ảnh hưởng đến tính thống nhất trong chỉ đạo, đánh giá và thực hiện các chế tài.

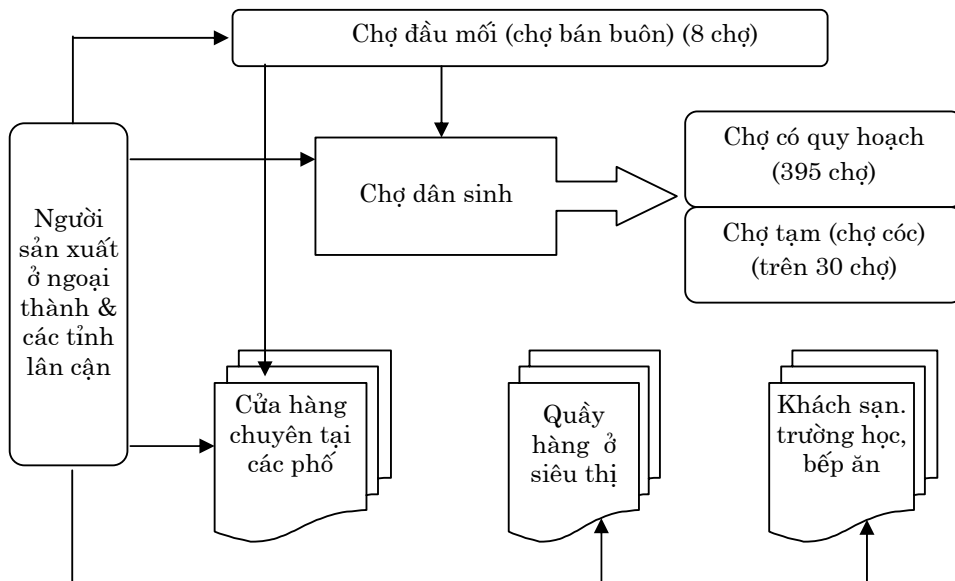
3.2. Hệ thống phân phối rau và rau an toàn

Do nhu cầu tiêu dùng rau của người dân Hà Nội rất lớn, 0,3 kg/ngày/người (Sở Thương mại Hà Nội, 2000), mà rau từ các vùng ngoại thành và các tỉnh lân cận được đưa về thông qua hệ thống phân phối (Hình 2).



Hình 1. Hệ thống tổ chức quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn

(Nguồn: Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội, 2009)



Hình 2. Hệ thống phân phối rau và rau an toàn của thành phố Hà Nội

(Nguồn: Sở Thương mại Hà Nội, 2008)

- *Chợ đầu mối*: Toàn thành phố có 8 chợ đầu mối bán buôn rau, củ quả, là điểm đến cho rau từ các vùng ngoại thành và cả rau từ các tỉnh lân cận đưa về, gồm: chợ Đền Lừ (Hoàng Mai); chợ Long Biên (Ba Đình); chợ Dịch Vọng Hậu (Cầu Giấy); chợ tại xã Vân Nội (Đông Anh); 03 chợ tại Hà Đông, Sơn Tây, Thường Tín; chợ rau quả tại Tiên Phong (Mê Linh). Các chợ đầu mối họp tập trung từ 12 giờ đêm đến 3 - 4 giờ sáng. Rau từ các chợ đầu mối này chính là nguồn cung cấp chính cho các cửa hàng, quầy hàng rau quả tại các phố, chợ dân sinh trong nội thành.

- *Chợ dân sinh*: Toàn thành phố có 395 chợ lớn nhỏ với tổng số 90.000 hộ kinh doanh cố định, trong đó có 102 chợ tại các quận nội thành. Các chợ đều có ban quản lý, hoặc do doanh nghiệp và HTX tự bỏ kinh phí xây dựng và quản lý. Ngoài ra, Hà Nội còn hơn 30 chợ tạm, chợ cóc họp thường xuyên hoặc họp theo giờ với gần 10.000 người bán rau rong trên các vỉa hè lòng đường.

- *Các cửa/quầy hàng chuyên doanh và các siêu thị*: Đây là loại hình bán lẻ hiện đại mới xuất hiện ở Hà Nội từ sau năm 1993. Rau an toàn với dấu hiệu RAT được tiêu thụ chủ yếu tại hệ thống quầy hàng, cửa hàng bán rau an toàn... Số lượng các điểm bán RAT tăng nhanh trong những năm qua, năm 1996 có 2 điểm, năm 2002 có 22 điểm, đến năm 2007 đã có 53 điểm và năm 2009 có 144 điểm bán RAT, tăng lên gần 3 lần so với 2 năm về trước.

- Ngoài ra, một lượng nhỏ RAT được cung ứng theo hợp đồng đến các khách sạn, nhà hàng, bếp ăn tập thể, trường mầm non và hộ gia đình.

Như vậy, hệ thống phân phối RAT của Hà Nội khá phong phú và phù hợp với cầu RAT. Tuy nhiên, trong toàn bộ hệ thống phân phối còn thiếu dấu hiệu kiểm tra rau hàng hoá (RAT thật hay giả), đặc biệt kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.3. Hoạt động xúc tiến thương mại rau an toàn

Những năm gần đây, công tác xúc tiến thương mại RAT đã bước đầu được thành phố và các sở, ngành, các địa phương quan tâm. Hoạt động xúc tiến thương mại tập trung vào việc tổ chức phiên chợ RAT và tham gia các hội chợ triển lãm.

Hàng năm, Sở Nông nghiệp & PTNT và các huyện tổ chức phiên chợ RAT nhằm giới thiệu thành tựu và các sản phẩm RAT đến người tiêu dùng Hà Nội, tạo điều kiện cho người sản xuất, các doanh nghiệp tiếp cận với người tiêu dùng; mở rộng giao lưu học tập kinh nghiệm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm RAT. Cụ thể là, Sở Nông nghiệp & PTNT, Trung tâm Khuyến nông: tổ chức 1 - 2 phiên chợ/năm. Các quận huyện: tổ chức 1 - 2 phiên chợ/năm. Các phiên chợ thường tổ chức từ một đến hai buổi hội thảo về RAT với 100 - 200 đại biểu gồm các nhà khoa học, nhà quản lý và xã viên các HTX. Đồng thời, Ban tổ chức phát hành sách báo, tờ rơi, tài liệu kỹ thuật tuyên truyền cho phiên chợ và giới thiệu kỹ thuật sản xuất RAT.

Ngoài ra, hàng năm các đơn vị, hợp tác xã đã tham gia nhiều hội chợ do các cơ quan trung ương, các tổ chức khác và các tỉnh bạn đứng ra tổ chức như: Hội chợ Agroviet, Phiên chợ giống cây trồng vật nuôi và vật tư nông nghiệp, Hội chợ Nông nghiệp quốc tế Cần Thơ, giới thiệu sản phẩm RAT trên trang web xúc tiến thương mại của Sở Nông nghiệp & PTNT...

Một số tổ chức nước ngoài, các cơ quan trung ương và Hà Nội đã mở các lớp tập huấn cho cán bộ các doanh nghiệp nông nghiệp và HTX về tiếp cận thị trường, marketing sản phẩm nông nghiệp, nhất là RAT.

Các hoạt động xúc tiến thương mại trên đã có tác động tích cực đến nhận thức của người tiêu dùng, người sản xuất RAT, làm cầu nối cho người sản xuất và người tiêu dùng, tạo đà phát triển sản xuất và tiêu thụ RAT trong những năm tới.

Tuy nhiên, các hoạt động xúc tiến thương mại thời gian qua thực hiện rời rạc, không thường xuyên, thiếu tính chuyên nghiệp nên hiệu quả không cao.

3.4. Kết quả tiêu thụ rau an toàn của thành phố Hà Nội

3.4.1. Khối lượng tiêu thụ

Kết quả điều tra tình hình tiêu thụ RAT năm 2008 của 3 huyện (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì) cho thấy, tỷ lệ RAT tiêu thụ theo giá bán RAT chỉ chiếm 29,4% sản lượng RAT sản xuất ra; còn lại 70,6% sản lượng RAT phải bán theo giá rau thường (Bảng 1).

Trong 3 huyện khảo sát, huyện Thanh Trì có tỷ lệ RAT tiêu thụ theo giá RAT cao nhất, cũng chỉ đạt 38,3%, nhưng sản lượng sản xuất ra ít hơn so với 2 huyện Gia Lâm và Đông Anh. Ngược lại, huyện Đông Anh có tỷ lệ bán theo giá RAT thấp, nhưng do sản lượng sản xuất RAT nhiều nên khối lượng RAT bán ra tương đối cao, đạt 3.717 tấn/năm, gấp 2,24 lần so với huyện Thanh Trì. Sở dĩ như vậy là vì Đông Anh là địa phương đi đầu trong triển khai sản xuất RAT của thành phố, có phương thức sản xuất và tiêu thụ linh hoạt, có cửa hàng giới thiệu và bán RAT

trong nội thành.

Do RAT được tiêu thụ chủ yếu tại hệ thống quầy hàng trong siêu thị và các cửa hàng chuyên bán RAT, nghiên cứu này đã theo dõi, tổng hợp và đánh giá lượng rau có thể bán được trong ngày bởi mỗi siêu thị và các cửa hàng (Bảng 2).

Tại các siêu thị lớn như BigC; Metro, khối lượng RAT bán trong ngày nhiều gấp 10 đến 20 lần ở các siêu thị nhỏ như T-Markt; Hapro... Người sản xuất có cửa hàng bán RAT tại nội thành có khối lượng tiêu thụ cao hơn những người chuyên kinh doanh, bởi vì người tiêu dùng biết rõ nguồn gốc rau và họ có niềm tin với người sản xuất hơn.

Tuy nhiên, theo các nhà kinh doanh RAT tại các siêu thị và cửa hàng rau cho thấy, khối lượng RAT tiêu thụ kể trên chưa đáp ứng được nhu cầu của các siêu thị và các cửa hàng. Họ rất cần sự đa dạng về số lượng chủng loại rau cao cấp vào thời điểm trái vụ. Vì vậy, các nhà kinh doanh, đặc biệt các siêu thị luôn có nhu cầu tìm kiếm nhà cung cấp mới. Đồng thời đây cũng là cơ hội cho các nhà sản xuất nắm bắt để gia tăng chủng loại sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhà kinh doanh.

Bảng 1. Khối lượng rau an toàn tiêu thụ ở 3 huyện điều tra

Quận, huyện	Sản lượng RAT (tấn)	Tiêu thụ theo giá rau thường		Tiêu thụ theo giá RAT	
		Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)
Đông Anh	13.518	9.801	72,5	3.717	27,5
Gia Lâm	5.372	3.927	73,1	1.445	26,9
Thanh Trì	4.323	2.667	61,7	1.656	38,3
Tổng cộng	23.213	16.395	70,6	6.818	29,4

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2009 và báo cáo của phòng nông nghiệp 3 huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì

Bảng 2. Khối lượng RAT bán được trong ngày của siêu thị và cửa hàng chuyên bán RAT tại Hà Nội

TT	Đối tượng	Phân loại	Tình hình kinh doanh trong ngày		
			Số lượng chủng loại	Sản lượng hàng bán được (kg)	
				Tối thiểu	Tối đa
1	Siêu thị	Lớn	40	1.440	2.500
		Vừa	27	70	200
		Nhỏ	10	20	95
2	Quầy, cửa hàng	Người sản xuất	10	259	650
		Người kinh doanh	30	65	259

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2009

3.4.2. Giá bán rau an toàn

Kết quả khảo sát và so sánh giá bán rau thường (Cục Thống kê Hà Nội, 2007 - 2009) với giá bán RAT bình quân tại 30 cửa hàng/quầy hàng, bán RAT đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh RAT cho thấy, giá bán RAT cao hơn từ 7,8% đến 25,5% tùy từng chủng loại (Bảng 3). Tuy nhiên, mức độ chênh lệch này không ổn định ở từng chủng loại rau và có xu hướng giảm dần đối với chủng loại rau thông thường và có chiều hướng tăng ở chủng loại rau cao cấp hoặc được khuyến cáo là có nguy cơ bị ô nhiễm cao như súp lơ xanh, cà chua, dưa chuột, cải thảo.

Thực tế khảo sát trên thị trường, giá RAT bán tại siêu thị cao hơn giá RAT ngoài thị trường, tuy nhiên mức chênh không quá 20%. Giá RAT bán tại các bếp ăn tập thể thường thấp hơn giá bán ở các siêu thị. Giá RAT bán đến các hộ gia đình do các nhà cung cấp mang đến thường cao hơn giá RAT được niêm yết tại các siêu thị đến 20% do có cộng thêm cả chi phí vận chuyển nhỏ lẻ.

3.4.3. Doanh thu và lãi gộp trong kinh doanh rau an toàn

Đánh giá kết quả và hiệu quả trong tiêu thụ RAT của các cơ sở kinh doanh là nội dung quan trọng có ý nghĩa thực tiễn cao nhưng gặp rất nhiều khó khăn trong hạch toán, vì vậy trong nghiên cứu này mỗi bước đều khảo sát và tính toán doanh thu và lãi gộp ở một số cửa hàng và quầy hàng trong siêu thị được chọn.

Cụ thể như sau:

+ Đối với cửa hàng bán RAT

Qua khảo sát 20 cửa hàng bán RAT vụ đông xuân năm 2008 - 2009 cho thấy, 1 cửa hàng một ngày bán 10 chủng loại RAT chính mà cửa hàng kinh doanh, bình quân mỗi ngày bán được 328 kg, rau bán được nhiều nhất là rau muống cũng chỉ được 55 kg,

rau bán được ít nhất là cà rốt là 12 kg. Tổng doanh thu trong ngày đạt 2175,6 ngàn đồng, lãi gộp đạt được là 809 ngàn đồng. Tỷ lệ lãi gộp so với doanh thu đạt 37,2%. Tỷ lệ lãi khá cao, song chưa trừ chi phí thuê cửa hàng, chi phí về điện nước và khấu hao trang thiết bị.

+ Đối với quầy bán RAT trong siêu thị

Kết quả khảo sát tại 10 quầy hàng bán RAT vụ đông xuân năm 2008 - 2009 của các siêu thị cho thấy (Bảng 4), bình quân 1 gian hàng một ngày bán 10 loại rau đã bán được 100 kg, rau bán được nhiều nhất là dưa chuột cũng chỉ được 20,0 kg; rau bán được ít nhất từ 4,5 - 6,5 kg như xà lách, cải bao. Doanh thu trong ngày đạt 827,45 ngàn đồng, lãi gộp thu được là 270,75 ngàn đồng; tỷ lệ lãi gộp so với doanh thu là 32,72%, có thấp hơn so với các cửa hàng chuyên kinh doanh RAT, song chứng tỏ kinh doanh RAT cũng có lợi nhuận nhất định.

3.4.4. Niềm tin của khách hàng về rau an toàn

Đồng thời với việc khảo sát tiêu thụ RAT của các cơ sở kinh doanh trên địa bàn Hà Nội, nghiên cứu này đã thăm dò niềm tin của người kinh doanh và người tiêu dùng về RAT (Bảng 5). Kết quả thăm dò cho thấy, đa số các nhà kinh doanh (cửa hàng rau, siêu thị) tin rằng rau nhập và bán tại cửa hàng của họ là RAT (chiếm từ 75 đến 80% ý kiến người kinh doanh); ngược lại, người tiêu dùng của Hà Nội thì đa số không tin rằng rau bán tại cửa hàng và siêu thị là RAT (chiếm 72,7% ý kiến người tiêu dùng). Điều này phản ánh đúng thực trạng hiện nay là rất khó hoặc không phân biệt rõ sự khác nhau giữa RAT với rau thường được bán trên thị trường Hà Nội. Cần nghiên cứu các giải pháp để giúp người tiêu dùng yên tâm sử dụng, hỗ trợ người sản xuất phát triển sản xuất RAT bền vững.

Bảng 3. So sánh giá bán RAT và rau thường một số chủng loại rau trên thị trường Hà Nội

Loại rau	Năm 2007			Năm 2008			Năm 2009		
	Giá bán (đ/kg)		SS giá RAT/rau thường (%)	Giá bán (đ/kg)		SS giá RAT/rau thường (%)	Giá bán (đ/kg)		SS giá RAT/rau thường (%)
	RAT	Rau thường		RAT	Rau thường		RAT	Rau thường	
Bắp cải	4800	4000	120,0	6500	5800	112,1	7300	6400	114,1
Xu hào	5000	4200	119,0	8000	7500	106,7	7600	6900	110,1
Cà chua	5400	4500	120,0	6400	5700	112,3	6800	5700	119,3
Súp lơ trắng	5700	4800	118,8	6200	5400	114,8	7100	6300	112,7
Súp lơ xanh	6400	5100	125,5	7300	6400	114,1	7600	6500	116,9
Đậu cô ve	6800	5700	119,3	6500	5800	112,1	6500	5800	112,1
Rau bí	9800	9000	108,9	9700	9000	107,8	10000	9200	108,7
Dưa chuột	4300	3600	119,4	4300	3700	116,2	4200	3500	120,0
Cải thảo	5700	5100	111,8	6000	5200	115,4	6100	5200	117,3
Mùi tàu	8200	7500	109,3	8400	7600	110,5	8280	7500	110,4

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2009

Bảng 4. Doanh thu và lãi gộp của 1 gian siêu thị bán rau an toàn (tính bình quân cho 1 ngày)

Loại rau	Số lượng (kg)	Giá (1.000 đồng/kg)			Doanh thu (1000 đ)	Lãi gộp (1000 đ)
		Giá bán	Giá mua	Chênh lệch		
Rau muống	6,0	4,50	3,50	1,00	27,0	6,00
Cải ngọt	6,5	5,00	3,00	2,00	32,50	13,00
Cải bao	5,5	5,50	2,50	2,00	30,25	11,00
Cải trắng	6,0	4,70	3,20	1,50	28,20	9,00
Đậu đũa	10,0	9,00	6,00	3,00	90,00	30,00
Cà tím	13,5	6,00	4,00	2,00	141,00	27,00
Cà rốt	13,0	10,00	6,00	4,00	130,00	52,00
Cà chua	15,0	12,00	8,50	3,50	180,00	52,50
Dưa chuột	20,0	5,50	3,00	2,50	110,00	50,00
Xà lách	4,5	13,00	8,50	4,50	58,50	20,25
Tổng	100,0	-	-	-	827,45	270,75

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2009

Bảng 5. Kết quả thăm dò ý kiến của người kinh doanh và tiêu dùng về rau an toàn tại Hà Nội

Tiêu chí	ĐVT	Khách hàng		
		Cửa hàng	Siêu thị	Người tiêu dùng
Số mẫu điều tra	mẫu	20	10	90
Hoàn toàn tin tưởng	%	80	75	27,3
Chưa hoàn toàn tin tưởng	%	20	25	54,2
Không tin tưởng	%	-	-	18,5
Tổng số	%	100	100	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2009

4. KẾT LUẬN

Hệ thống phân phối RAT của Hà Nội khá phong phú và phù hợp với cầu RAT. Từ người sản xuất, rau được cung cấp cho các chợ đầu mối, chợ dân sinh, các cửa hàng rau và các siêu thị, khách sạn, bếp ăn. Ngoài ra, rau có thể được chuyển qua nhiều kênh phân phối trung gian để đến với người tiêu dùng. Chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm rau chưa được kiểm soát tốt qua các hệ thống tiêu thụ trên, trừ ở một số siêu thị và các cửa hàng rau.

Các hoạt động xúc tiến thương mại đã có tác động tích cực đến nhận thức của người tiêu dùng, người sản xuất RAT, làm cầu nối cho người sản xuất và người tiêu dùng, tạo đà phát triển sản xuất và tiêu thụ RAT. Tuy nhiên, các hoạt động xúc tiến thương mại thực hiện rời rạc, không thường xuyên, thiếu tính chuyên nghiệp nên hiệu quả không cao, thiếu niềm tin của người tiêu dùng.

Nhu cầu tiêu thụ RAT tại thị trường Hà Nội là rất lớn, nhưng tỷ lệ RAT tiêu thụ chỉ chiếm 29,4% sản lượng RAT sản xuất ra. Sản lượng RAT được tiêu thụ phần lớn theo kênh rau thường và bán với giá rau thường. Người sản xuất chưa nhận được nhiều lợi ích từ đầu tư cho sản xuất RAT.

Kết quả và hiệu quả tiêu thụ RAT của Hà Nội bước đầu khả quan. Song nhìn chung còn thiếu bền vững về giá cả, quản lý sản xuất và tiêu thụ, lợi ích của người sản xuất, niềm tin của khách hàng...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chi cục Bảo vệ Thực vật Hà Nội (2009). Báo cáo tổng kết (2006 - 2009) chương trình sản xuất rau an toàn của Hà Nội.
- Niên giám Thống kê Hà Nội, 2001 - 2008.
- Nguyễn Thị Tân Lộc (2002). Thực trạng sản xuất RAT tại một số cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ.
- Nguyễn Thị Tân Lộc, Paule Moustier, Hoàng Đăng Dũng, Nguyễn Thu Thủy và Vũ Thị Thanh Huyền (2008). Thực trạng tiêu thụ rau an toàn tại một số cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tạp chí Khoa học và Phát triển, Tập VI, số 5:487-495.
- Phòng Nông nghiệp huyện Đông Anh (2009). Báo cáo tổng kết 5 năm (2005-2009) sản xuất rau an toàn, huyện Đông Anh, Hà Nội.
- Phòng Nông nghiệp huyện Gia Lâm (2009). Báo cáo tổng kết 5 năm (2005 - 2009), sản xuất rau an toàn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
- Phòng Nông nghiệp huyện Thanh Trì (2009). Báo cáo tổng kết 5 năm (2005 - 2009) sản xuất rau an toàn, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- Trần Khắc Thi (1999). Nghiên cứu các giải pháp công nghệ và tổ chức để quản lý chất lượng rau sạch. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ.
- Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội (2009). Báo cáo tổng kết 5 năm (2005 - 2009) sản xuất rau an toàn của Hà Nội.
- Sở Thương mại Hà Nội (2008). Kết quả điều tra mạng lưới tiêu thụ rau của thành phố Hà Nội.